TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH KHÁNH HÒA** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: 259/2025/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 14 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 862/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: bà Trần Thị Thu S - sinh năm 1993;
HKTT: tổ 1V - phường N - thành phố N - Khánh Hòa.
Trú tại: 45/22^{E}/10 đường T - thành phố P - Ninh Thuận.

- Bị đơn: ông Bùi Hữu H - sinh năm 1988;
HKTT: tổ 5V - phường N - thành phố N - Khánh Hòa.
Trú tại: 24/43 đường L - phường N - thành phố N - Khánh Hòa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu S và ông Bùi Hữu H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: bà S, ông H có hai con chung một con chung Bùi Ngọc Khánh T (sinh ngày 10/9/2012) bà Bùi Ngọc Khánh N (sinh ngày 14/12/2017).

Sau khi ly hôn, bà S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung Bùi Ngọc Khánh T, Bùi Ngọc Khánh N đến khi các con chung lần lượt trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Bà S không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà S, ông H đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung và nợ chung: không có.

- Về án phí: bà Trần Thị Thu S nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (Trong đó có 75.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà S nộp thay cho ông H) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003005 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N. Bà S đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho bà S số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm còn lại là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Thị Mai Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố N;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố N;
- Các đương sự;
- UBND phường N - thành phố N - Khánh Hòa (giấy chứng nhận kết hôn số 13/2012 ngày 15/02/2012);
- Lưu hồ sơ.